

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0100106384

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 4 năm 1999. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được thay đổi bảy lần. Lần thay đổi thứ bảy ngày 18 tháng 10 năm 2013.

Tại ngày ký báo cáo tài chính này

Hội đồng quản trị	Ông Phan Thanh Hải	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8/10/2016)
	Ông Vũ Hữu Tuynh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22/9/2016)
	Ông Ưng Tiến Đỡ	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 25/4/2016)
	Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Phạm Bình Minh	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Quang	Thành viên
	Ông Chu Mạnh Hùng	Thành viên
	Ông Đậu Chí Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30/11/2016)
Bà Hoàng Thị Thu An	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25/4/2016)	
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Nghĩa	Tổng Giám đốc
	Ông Chu Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát
	Ông Hoàng Ngọc Bội	Thành viên Ban kiểm soát
	Ông Hoàng Như Thái	Thành viên Ban kiểm soát
Người đại diện theo pháp luật	Ông Lê Văn Nghĩa	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Tổ 8, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	
Kiểm toán viên	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 5 đến trang 35. Các báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 23 tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 23 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.23 của báo cáo tài chính riêng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác. Đơn vị kiểm toán này đã phát hành báo cáo kiểm toán có ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 8 tháng 3 năm 2016.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Trần Khắc Thế

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2043-2013-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1697

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Nguyễn Cẩm Ly

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 3067-2014-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính riêng, các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		182.345.416.179	174.197.627.225
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.693.798.949	13.350.632.094
111	Tiền		11.693.798.949	13.350.632.094
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		83.074.792.723	78.159.484.676
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	64.856.409.534	47.510.136.306
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		466.384.439	1.261.396.618
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	22.104.371.718	27.842.624.318
136	Phải thu ngắn hạn khác	6	1.422.829.667	3.280.490.630
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	4	(5.775.202.635)	(1.735.163.196)
140	Hàng tồn kho	7	87.012.179.490	81.208.302.356
141	Hàng tồn kho		87.012.179.490	81.208.302.356
150	Tài sản ngắn hạn khác		564.645.017	1.479.208.099
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		34.613.745	1.479.208.099
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(a)	530.031.272	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		60.575.620.314	49.079.704.895
220	Tài sản cố định		34.979.308.662	26.177.454.278
221	Tài sản cố định hữu hình	8	34.979.308.662	26.177.454.278
222	Nguyên giá		86.709.678.811	71.988.584.297
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(51.730.370.149)	(45.811.130.019)
240	Tài sản dở dang dài hạn		7.084.709.941	7.084.709.941
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	7.084.709.941	7.084.709.941
250	Đầu tư tài chính dài hạn		16.818.612.428	15.817.540.676
251	Đầu tư vào công ty con	10(a)	13.036.680.000	13.036.680.000
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	10(b)	5.743.500.000	5.743.500.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	10(b)	(1.961.567.572)	(2.962.639.324)
260	Tài sản dài hạn khác		1.692.989.283	-
261	Chi phí trả trước dài hạn		1.692.989.283	-
270	TỔNG TÀI SẢN		242.921.036.493	223.277.332.120

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		175.116.826.884	169.483.485.159
310	Nợ ngắn hạn		172.992.194.484	169.483.485.159
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	108.742.662.961	87.091.555.654
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	1.477.325.640	24.342.110.548
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13(b)	177.928.338	693.455.298
314	Phải trả người lao động		8.558.654.593	8.267.399.543
319	Phải trả ngắn hạn khác	14	2.758.464.198	7.612.351.442
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15(a)	50.308.618.080	38.000.000.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	968.540.674	3.476.612.674
330	Nợ dài hạn		2.124.632.400	-
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15(b)	2.124.632.400	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		67.804.209.609	53.793.846.961
410	Vốn chủ sở hữu		67.804.209.609	53.793.846.961
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17,18	29.500.000.000	29.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		29.500.000.000	29.500.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	18	(1.140.000)	(1.140.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	21.413.588.788	21.413.588.788
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18	2.881.398.173	2.881.398.173
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	14.010.362.648	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		14.010.362.648	-
440	TỔNG NGUỒN VỐN		242.921.036.493	223.277.332.120

Nguyễn Thị Xuân
Người lập

Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng



Lê Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ, XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG ANH

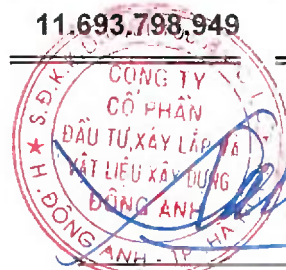
Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2016 VNĐ	31/12/2015 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	17.646.375.923	16.658.701.814
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	6.728.877.776	6.490.988.273
03	Các khoản dự phòng	3.038.967.687	519.272.685
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(2.334.619.183)	(4.058.076.925)
06	Chi phí lãi vay	2.770.323.639	2.440.209.572
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	27.849.925.842	22.051.095.419
09	Tăng các khoản phải thu	(14.393.189.364)	(4.244.987.203)
10	Tăng hàng tồn kho	(5.803.877.134)	(23.769.486.124)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(5.527.141.583)	43.019.112.804
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(248.394.929)	376.214.346
14	Tiền lãi vay đã trả	(2.770.323.639)	(2.440.209.572)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.495.008.587)	(4.787.430.110)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.388.009.394)	30.204.309.560
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm TSCĐ	(15.530.732.160)	(7.452.519.609)
22	Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	1.013.100.000
24	Thu hồi gốc cho vay	3.124.751.000	90.000.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4.117.678.789	3.007.400.717
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(8.288.302.371)	(3.342.018.892)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	144.954.450.480	134.179.213.463
34	Chi trả nợ gốc vay	(130.521.200.000)	(153.612.480.656)
36	Chi trả cổ tức	(2.413.771.860)	(3.496.163.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	12.019.478.620	(22.929.430.393)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(1.656.833.145)	3.932.860.275
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 13.350.632.094	9.417.771.819
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 11.693.798.949	13.350.632.094

Nguyễn Thị Xuân
Người lập

Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng



Lê Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (“Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 28/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tiền thân của Công ty là Xí nghiệp cung ứng vật tư vận tải – Trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp thi công cơ giới. Vào ngày 1/1/1996, Xí nghiệp được đổi tên là Công ty Vật tư và sản xuất VLXD Đông Anh.

Theo Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 28/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư và sản xuất VLXD Đông Anh được chuyển đổi thành Công ty CP Tấm lợp – VLXD Đông Anh. Vào ngày 1/9/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100106384 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13/11/2004 (đăng ký lần đầu ngày 05/04/1999, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 18/10/2013).

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất tấm lợp amiăng, xi măng;
- Sản xuất kinh doanh tấm lợp kim loại màu và các sản phẩm tấm lợp khác;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh cầu trục, cổng trục và kết cấu thép;
- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ, cửa chớp, cổng, vách ngăn phòng bằng kim loại;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

Cấu trúc của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đơn vị	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu/ biểu quyết
2 Công ty con			
- Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	Thôn Đông Dương, xã Lập Thạch, Sơn Lương, Hòa Bình	Sản xuất, kinh doanh VLXD	54,42%
- Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	Thị trấn Đoàn Hùng, huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh VLXD	51,00%
1 Công ty liên kết			
- Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Cho thuê máy móc, thiết bị	45,58%

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số lượng nhân viên của Công ty là 520 nhân viên (2015: 496 nhân viên).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong các báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Công ty kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và các công ty con.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền cho giá xuất của hàng hóa; nhập trước xuất trước cho giá xuất nguyên vật liệu và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư

(a) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 15 năm
Phương tiện vận tải	2 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
Tài sản cố định khác	6 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa và tính vào giá trị của tài sản đó trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu: phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập của Công ty tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

(c) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

2.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính trong đó bao gồm chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

2.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.22 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc. Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*. Nếu Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18, khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần phải lập là khoảng 11 tỷ Đồng Việt Nam.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Tiền mặt	4.134.708.618	4.085.851.666
Tiền gửi ngân hàng	7.559.090.331	9.264.780.428
	11.693.798.949	13.350.632.094

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Bên thứ ba	45.079.966.107	38.545.548.796
<u>Trong đó:</u>		
<i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Công nghiệp</i>	4.744.561.950	392.000.000
<i>Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí</i>	4.503.201.128	12.659.466.702
<i>Đối tượng khác</i>	35.832.203.029	25.494.082.094
Bên liên quan (Thuyết minh số 29(b))	19.776.443.427	8.964.587.510
	<u>64.856.409.534</u>	<u>47.510.136.306</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(5.775.202.635)	(1.735.163.196)
	<u>59.081.206.899</u>	<u>45.774.973.110</u>

(*) Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2016 như sau:

	31/12/2016		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty CP Xây lắp Hải Long	3.310.801.374	993.240.412	2.317.560.962
Các khách hàng khác	11.352.815.888	7.895.174.215	3.457.641.673
	<u>14.663.617.262</u>	<u>8.888.414.627</u>	<u>5.775.202.635</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày	Phát sinh trong năm		Tại ngày
	1/1/2016 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	31/12/2016 VNĐ
Bên liên quan (Thuyết minh số 29(b))				
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	1.662.734.608	-	(679.000.000)	983.734.608
Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	600.000.000	-	(600.000.000)	-
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	22.522.727.010	-	(1.858.987.000)	20.663.740.010
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	3.057.162.700	-	(2.600.265.600)	456.897.100
	<u>27.842.624.318</u>	<u>-</u>	<u>(5.738.252.600)</u>	<u>22.104.371.718</u>

Đây là các khoản vay ngắn hạn mà Công ty cho các bên liên quan vay nhằm bổ sung vốn lưu động cho các bên liên quan. Gốc vay được trả dần trong vòng 12 tháng. Lãi cho vay được trả hàng quý, căn cứ vào lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông báo từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Bên liên quan (Thuyết minh số 29(b))	1.166.808.100	2.937.081.706
• Phải thu về phí sử dụng vốn vay	1.166.808.100	1.532.617.306
• Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.404.464.400
Bên thứ ba	256.021.567	343.408.924
	<u>1.422.829.667</u>	<u>3.280.490.630</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Nguyên vật liệu	53.272.492.271	-	59.559.383.632	-
Thành phẩm	33.739.687.219	-	21.648.918.724	-
	<u>87.012.179.490</u>	<u>-</u>	<u>81.208.302.356</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị, dụng cụ văn phòng VNĐ	TSCĐ khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Tại ngày 1/1/2016	12.116.620.401	38.768.875.772	20.508.121.489	400.285.365	194.681.270	71.988.584.297
Mua trong năm	-	2.849.369.454	2.314.335.425	-	-	5.163.704.879
Chuyển từ xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh số 9)	2.638.219.595	7.728.807.686	-	-	-	10.367.027.281
Thanh lý, nhượng bán	(702.568.646)	(107.069.000)	-	-	-	(809.637.646)
Tại ngày 31/12/2016	14.052.271.350	49.239.983.912	22.822.456.914	400.285.365	194.681.270	86.709.678.811
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1/1/2016	(8.200.991.622)	(28.403.657.359)	(8.854.978.137)	(261.949.875)	(89.553.026)	(45.811.130.019)
Khấu hao trong năm	(567.950.716)	(3.220.545.907)	(2.868.451.325)	(71.929.828)	-	(6.728.877.776)
Thanh lý, nhượng bán	702.568.646	107.069.000	-	-	-	809.637.646
Tại ngày 31/12/2016	(8.066.373.692)	(31.517.134.266)	(11.723.429.462)	(333.879.703)	(89.553.026)	(51.730.370.149)
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1/1/2016	3.915.628.779	10.365.218.413	11.653.143.352	138.335.490	105.128.244	26.177.454.278
Tại ngày 31/12/2016	5.985.897.658	17.722.849.646	11.099.027.452	66.405.662	105.128.244	34.979.308.662

Tại ngày 31/12/2016, nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 27.848.827.211 Đồng Việt Nam (2015: 16.158.041.517 Đồng Việt Nam).

Tại ngày 31/12/2016, TSCĐ của Công ty với giá trị còn lại là 8.908.667.204 Đồng Việt Nam đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh số 15).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối năm bao gồm các chi phí liên quan đến quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng của dự án lô đất Khu 2 có diện tích 14.333 m² tại xã Uy Nỗ, Huyện Đông Anh (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 916065 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 30/8/2010). Trong đó:

	31/12/2016	1/1/2016
	VNĐ	VNĐ
Chi phí đền bù, hỗ trợ, tư vấn đất nông nghiệp	5.029.072.475	5.029.072.475
Chi phí xây dựng, san lấp mặt bằng	1.810.364.739	1.810.364.739
Các chi phí khác	245.272.727	245.272.727
	<u>7.084.709.941</u>	<u>7.084.709.941</u>

Tại ngày của báo cáo tài chính này, Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng của khu đất này từ đất đai sản xuất kinh doanh sang đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở hỗn hợp.

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	31/12/2016	1/1/2016
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	7.629.781.910	7.084.709.941
Xây dựng cơ bản	10.367.027.281	7.688.382.518
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh số 8)	(10.367.027.281)	(7.688.382.518)
Số dư cuối năm	<u>7.084.709.941</u>	<u>7.084.709.941</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

(a) Đầu tư góp vốn vào công ty con

	31/12/2016			1/1/2016		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý (*) VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý (*) VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	10.231.680.000	10.231.680.000	-	10.231.680.000	10.231.680.000	-
Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	2.805.000.000	2.805.000.000	-	2.805.000.000	2.805.000.000	-
	<u>13.036.680.000</u>	<u>13.036.680.000</u>	<u>-</u>	<u>13.036.680.000</u>	<u>13.036.680.000</u>	<u>-</u>

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016			1/1/2016		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý (*) VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý (*) VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	5.743.500.000	3.781.932.428	1.961.567.572	5.743.500.000	2.780.860.676	2.962.639.324
	<u>5.743.500.000</u>	<u>3.781.932.428</u>	<u>1.961.567.572</u>	<u>5.743.500.000</u>	<u>2.780.860.676</u>	<u>2.962.639.324</u>

(*) Công ty đang trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết bằng với giá gốc vì hiện tại chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Biến động về dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Số dư đầu năm	2.962.639.324	3.216.518.889
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh số 23)	(1.001.071.752)	(253.879.565)
Số dư cuối năm	<u>1.961.567.572</u>	<u>2.962.639.324</u>
11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		
	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Bên thứ ba	108.667.543.811	86.982.396.514
<u>Trong đó:</u>		
<i>Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải</i>	53.001.178.264	47.970.273.848
<i>Công ty TNHH SXTM Thép Việt Dũng</i>	12.909.075.709	2.425.521.209
<i>Nhà cung cấp khác</i>	42.757.289.838	36.586.601.457
Bên liên quan (Thuyết minh số 29(b))	75.119.150	109.159.140
	<u>108.742.662.961</u>	<u>87.091.555.654</u>
12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN		
	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Bên thứ ba	1.477.325.640	24.342.110.548
<u>Trong đó:</u>		
<i>Tổng Công ty 319 – Bộ Quốc Phòng</i>	-	16.000.000.000
<i>Đối tượng khác</i>	1.477.325.640	8.342.110.548
	<u>1.477.325.640</u>	<u>24.342.110.548</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU, PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	530.031.272	-
(b) Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước		
Thuế GTGT	177.928.338	333.559.258
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)	-	328.964.040
Các loại thuế khác	-	30.932.000
	<u>177.928.338</u>	<u>693.455.298</u>

Tình hình biến động của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà Nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1/1/2016 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	Tại ngày 31/12/2016 VNĐ
(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước				
Thuế TNDN	-	530.031.272	-	530.031.272
(b) Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước				
Thuế GTGT	333.559.258	19.129.541.724	(19.285.172.644)	177.928.338
Thuế TNCN	-	535.066.653	(535.066.653)	-
Các loại thuế khác	30.932.000	4.782.810	(35.714.810)	-
Thuế TNDN	328.964.040	3.636.013.275	(4.495.008.587)	(530.031.272)
Thuế TNDN nộp thừa- chuyển sang phải thu	-	530.031.272	-	530.031.272
	<u>693.455.298</u>	<u>23.835.435.734</u>	<u>(24.350.962.694)</u>	<u>177.928.338</u>

14 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 19)	2.152.660	5.016.190.120
Phải trả khác	2.756.311.538	2.596.161.322
	<u>2.758.464.198</u>	<u>7.612.351.442</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

15 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(a) Vay ngắn hạn

	Tại ngày 1/1/2016 VNĐ	Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 31/12/2016 VNĐ
		Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	
Vay ngắn hạn ngân hàng	38.000.000.000	142.094.818.080	(130.521.200.000)	49.573.618.080
<u>Trong đó:</u>				
(1) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	29.000.000.000	85.073.618.080	(93.500.000.000)	20.573.618.080
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Đông Anh	7.000.000.000	32.000.000.000	(22.000.000.000)	17.000.000.000
(3) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Đông Anh	2.000.000.000	25.021.200.000	(15.021.200.000)	12.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15(b))	-	735.000.000	-	735.000.000
	<u>38.000.000.000</u>	<u>142.829.818.080</u>	<u>(130.521.200.000)</u>	<u>50.308.618.080</u>

- (1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/53707/HĐTĐ ngày 15/4/2016 với hạn mức tín dụng 145 tỷ Đồng Việt Nam cho mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn rút vốn tính đến hết ngày 12/4/2017. Thời hạn trả gốc và lãi vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2016 bao gồm các khoản rút vốn có lãi suất là 6%/năm với ngày đáo hạn là 6 tháng kể từ ngày rút vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

15 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Vay ngắn hạn (tiếp theo)

- (2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương – Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 92/2016-HĐTDHM/NHCT144-DOMATCO ngày 1/11/2016 với hạn mức tín dụng 20 tỷ Đồng Việt Nam cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn rút vốn tính đến hết ngày 30/9/2017. Thời hạn trả gốc và lãi vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2016 bao gồm các khoản rút vốn có lãi suất là 6%/năm với ngày đáo hạn là 6 tháng kể từ ngày rút vốn.
- (3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/HM/VCB.CD VLXDDA ngày 18/7/2016 với hạn mức tín dụng 50 tỷ Đồng Việt Nam cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn rút vốn tính đến hết ngày 30/6/2017. Thời hạn trả gốc và lãi vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2016 bao gồm các khoản rút vốn có lãi suất là 6%/năm với ngày đáo hạn là 6 tháng kể từ ngày rút vốn.

(b) Vay dài hạn

	Tại ngày	Phát sinh trong kỳ		Tại ngày
	1/1/2016 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	31/12/2016 VNĐ
Vay ngân hàng	-	2.859.632.400	(735.000.000)	2.124.632.400

Số dư vay dài hạn cuối năm là khoản vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2016/53707/HĐTD ngày 22/9/2016 với hạn mức tín dụng 3,4 tỷ Đồng Việt Nam cho mục đích tài trợ đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất. Thời hạn rút vốn tính đến hết ngày 30/3/2017. Thời hạn trả gốc và lãi vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Số dư tại ngày 31/12/2016 bao gồm các khoản rút vốn có lãi suất là 10%/năm với ngày đáo hạn là 48 tháng kể từ ngày rút vốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

16 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Số dư đầu năm	3.476.612.674	3.791.701.108
Trích từ lợi nhuận sau thuế	-	2.652.490.566
Sử dụng quỹ trong năm	(2.508.072.000)	(2.967.579.000)
Số dư cuối năm	<u>968.540.674</u>	<u>3.476.612.674</u>

17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	31/12/2016		1/1/2016	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	2.950.000	-	2.950.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>2.950.000</u>	<u>-</u>	<u>2.950.000</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>2.949.886</u>	<u>-</u>	<u>2.949.886</u>	<u>-</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016		1/1/2016	
	Cổ phiếu	%	Cổ phiếu	%
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	1.529.568	51,85%	1.529.568	51,85%
Các cổ đông cá nhân	1.420.432	48,15%	1.420.432	48,15%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>2.950.000</u>	<u>100%</u>	<u>2.950.000</u>	<u>100%</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu quỹ	Tổng cộng
Tại ngày 1/1/2016	2.950.000	2.949.886	114	2.950.000
Cổ phiếu mới phát hành	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	<u>2.950.000</u>	<u>2.949.886</u>	<u>114</u>	<u>2.950.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2015	29.500.000.000	(1.140.000)	19.075.020.769	2.230.567.984	-	50.804.448.753
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	13.016.603.774	13.016.603.774
Trích cổ tức	-	-	-	-	(7.374.715.000)	(7.374.715.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.652.490.566)	(2.652.490.566)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.338.568.019	-	(2.338.568.019)	-
Khác	-	-	-	650.830.189	(650.830.189)	-
	<u>29.500.000.000</u>	<u>(1.140.000)</u>	<u>21.413.588.788</u>	<u>2.881.398.173</u>	<u>-</u>	<u>53.793.846.961</u>
Tại ngày 31/12/2015	29.500.000.000	(1.140.000)	21.413.588.788	2.881.398.173	-	53.793.846.961
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	14.010.362.648	14.010.362.648
	<u>29.500.000.000</u>	<u>(1.140.000)</u>	<u>21.413.588.788</u>	<u>2.881.398.173</u>	<u>14.010.362.648</u>	<u>67.804.209.609</u>
Tại ngày 31/12/2016	29.500.000.000	(1.140.000)	21.413.588.788	2.881.398.173	14.010.362.648	67.804.209.609

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

19 CỐ TỨC

Cố tức phải trả:

	31/12/2016	1/1/2016
	VNĐ	VNĐ
Số dư đầu năm	5.016.190.120	2.360.207.400
Cố tức phải trả trong năm	-	7.374.715.000
Giảm trong năm	(5.014.037.460)	(4.718.732.280)
<u>Trong đó:</u>		
- <i>Cố tức đã chi trả bằng tiền mặt</i>	(2.413.771.860)	(3.495.077.880)
- <i>Bù trừ cố tức phải trả với khoản cho cổ đông vay</i>	(2.600.265.600)	(1.223.654.400)
Số dư cuối năm (Thuyết minh số 14)	<u>2.152.660</u>	<u>5.016.190.120</u>

20 DOANH THU

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	<u>685.307.482.414</u>	<u>459.592.848.212</u>

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	<u>608.531.983.987</u>	<u>397.791.476.066</u>

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016	2015
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	45.797.183	42.104.525
Cố tức, lợi nhuận được chia	-	1.404.014.400
Thu phí sử dụng vốn vay - bên liên quan (Thuyết minh số 29(a))	2.288.822.000	2.611.958.000
Thu phí sử dụng thương hiệu - bên liên quan (Thuyết minh số 29(a))	1.105.677.787	1.318.720.386
	<u>3.440.296.970</u>	<u>5.376.797.311</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

23 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí lãi vay	2.770.323.639	2.440.209.572
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 10(b))	(1.001.071.752)	(253.879.565)
	<u>1.769.251.887</u>	<u>2.186.330.007</u>

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nhân viên	7.699.362.878	5.615.925.003
Chi phí khấu hao TSCĐ	309.759.540	309.759.540
Chi phí bằng tiền khác	9.334.618.761	8.643.463.886
	<u>17.343.741.179</u>	<u>14.569.148.429</u>

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nhân viên	19.645.618.973	14.509.490.159
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	2.337.168.393	2.313.206.065
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.272.604.443	1.017.529.858
Dự phòng phải thu khó đòi	4.040.039.439	773.152.250
Thuế phí, lệ phí	2.756.510.221	4.092.343.994
Chi phí bằng tiền khác	13.470.293.241	11.890.533.614
	<u>43.522.234.710</u>	<u>34.596.255.940</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

26 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	980.909.090
Các khoản khác	95.978.935	939.650.929
	<u>95.978.935</u>	<u>1.920.560.019</u>
Chi phí khác		
Truy thu, nộp phạt tiền thuế	11.839.976	1.029.054.377
Chi phí khác	18.330.657	59.238.909
	<u>30.170.633</u>	<u>1.088.293.286</u>
Lợi nhuận khác - số thuần	<u><u>65.808.302</u></u>	<u><u>832.266.733</u></u>

27 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được tính như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.646.375.923	16.658.701.814
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%)	3.529.275.185	3.664.914.399
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(326.394.147)
Chi phí không được khấu trừ	104.935.274	212.910.672
Khác	1.802.816	90.667.116
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>3.636.013.275</u>	<u>3.642.098.040</u>
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	3.636.013.275	3.642.098.040
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	-	-
	<u><u>3.636.013.275</u></u>	<u><u>3.642.098.040</u></u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	477.872.770.351	331.804.562.665
Chi phí nhân công	87.358.541.977	63.068.310.584
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.728.877.776	6.490.988.273
Dự phòng phải thu khó đòi	4.040.039.439	773.152.250
Chi phí bằng tiền khác	80.537.074.421	51.210.288.254
	656.537.303.964	453.347.302.026

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Tên công ty	Mối quan hệ
1. Công ty LICOGI - CTCP	Công ty mẹ
2. Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	Công ty con
3. Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	Công ty con
4. Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết
5. Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI	Công ty cùng tập đoàn
6. Các cá nhân liên quan	

(a) Giao dịch với các bên liên quan

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
i) <i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	4.347.265.860	5.053.085.580
Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	20.966.198.940	8.311.369.914
Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI	37.885.533.932	4.912.986.460
	63.198.998.732	18.277.441.954
ii) <i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	1.179.290.000	144.828.000
Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	928.516.535	-
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	11.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI	1.390.697.672	-
	14.498.504.207	10.144.828.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
<i>iii) Hoạt động tài chính</i>		
<i>Thu phí sử dụng vốn vay (Thuyết minh số 22)</i>		
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	129.519.000	215.147.000
Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	19.950.000	54.300.000
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	1.983.285.000	2.038.306.000
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	156.068.000	304.205.000
	<u>2.288.822.000</u>	<u>2.611.958.000</u>
<i>Thu phí sử dụng thương hiệu (Thuyết minh số 22)</i>		
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	500.415.183	619.107.260
Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	605.262.604	699.613.126
	<u>1.105.677.787</u>	<u>1.318.720.386</u>
<i>iv) Chi phí cho nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.770.343.000	2.087.803.000
	<u>2.770.343.000</u>	<u>2.087.803.000</u>
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan		
	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
<i>i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 4)</i>		
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	2.197.556.656	3.037.628.461
Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	3.574.011.566	1.974.169.272
Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI	13.747.273.100	3.695.187.672
Công ty Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2 (Chi nhánh Tổng Công ty LICOGI – CTCP)	61.516.000	61.516.000
Công ty CP Lắp máy điện nước	42.858.062	42.858.062
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	153.228.043	153.228.043
	<u>19.776.443.427</u>	<u>8.964.587.510</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 5)

	31/12/2016 VNĐ	1/1/2016 VNĐ
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	983.734.608	1.662.734.608
Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	-	600.000.000
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	20.663.740.010	22.522.727.010
Tổng Công ty LICOGI - CTCP	456.897.100	3.057.162.700
	<u>22.104.371.718</u>	<u>27.842.624.318</u>

iii) Các khoản phải thu khác

Phải thu về phí sử dụng vốn vay (Thuyết minh số 6)

Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	169.337.000	39.818.000
Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	-	136.862.806
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	-	514.533.400
Tổng Công ty LICOGI – CTCP	997.471.100	841.403.100
	<u>1.166.808.100</u>	<u>1.532.617.306</u>

Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia (Thuyết minh số 6)

Công ty CP Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6	-	818.534.400
Công ty CP Đầu tư, Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 9	-	585.930.000
	<u>-</u>	<u>1.404.464.400</u>

iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)

Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI	75.119.150	109.159.140
	<u>75.119.150</u>	<u>109.159.140</u>

v) Cổ tức phải trả (Thuyết minh số 19)

Tổng Công ty LICOGI - CTCP	-	2.600.265.600
Các cổ đông cá nhân	2.152.660	2.415.924.520
	<u>2.152.660</u>	<u>5.016.190.120</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

30 CAM KẾT KHÁC

Tại ngày 31/12/2016, tổng số giá trị thu tín dụng không huỷ ngang cam kết thanh toán cho nhà cung cấp của Công ty là 13.747.254.200 Đồng Việt Nam (2015: 28.624.133.513 Đồng Việt Nam).

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Tổng Giám đốc công ty phê duyệt ngày 23 tháng 3 năm 2017.



Nguyễn Thị Xuân
Người lập



Hoàng Thị Thu An
Kế toán trưởng



Lê Văn Nghĩa
Tổng Giám đốc